

CĂN CỨ QUÂN ỦY, BỘ TƯ LỆNH CÁC LỰC LƯỢNG GIẢI PHÓNG MIỀN NAM VIỆT NAM

VŨ ĐÌNH TÂM*

TÓM TẮT

Hình thành và tồn tại trong thời gian từ năm 1973 đến năm 1975, Căn cứ Quân ủy, Bộ Tư lệnh Các lực lượng giải phóng Miền Nam Việt Nam có vai trò hết sức quan trọng trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ của dân tộc, một thời được mệnh danh là “Khu rừng Chính phủ”. Nơi đây đã từng diễn ra nhiều sự kiện đặc biệt quan trọng có ý nghĩa lịch sử to lớn, góp phần vào thắng lợi của Chiến dịch Hồ Chí Minh.

Từ khóa: Quân ủy; Bộ Chỉ huy Miền; Bình Phước.

ABSTRACT

Established and existed during wartime from 1973 to 1975, the Headquarter of Vietnam's Southern Liberation Army had an important role in the war. It used to be called Government Forest where occurred many important events to go to the winning of Hồ Chí Minh Campaign.

Key words: Military Committee; Region Headquarter; Bình Phước province.

Bình Phước là tỉnh “đầu gối Trường Sơn, vai kẻ biên giới” với diện tích khoảng 6.874,62 km², dân số trên 873,598 người, nằm trên vùng đất đỏ bazan, khí hậu nhiệt đới gió mùa. Thiên nhiên ở đây đã ban tặng cho vùng đất này khá nhiều ưu đãi: Những cánh rừng bạt ngàn cao su, hồ tiêu, cà phê... có núi cao, sông rộng, nhiều ngọn đồi nhấp nhô gợn sóng. Nếu ai đã một lần đến thăm Bình Phước, hẳn không thể quên dòng sông Bé uốn khúc quanh co, tạo nên nhiều thác ghềnh tuyệt đẹp, lúc dữ dội, lúc hiền hòa tựa nàng sơn nữ ngủ quên bởi dáng vẻ hoang sơ và lãng mạn, cùng với thủy điện Thác Mơ, Thác Đứng, Trảng cỏ Bù Lạch, Thác số 4, Vườn quốc gia Bù Gia Mập... tạo nên một bức tranh thủy mặc tuyệt đẹp. Đất đai màu mỡ, sông suối hiền hòa, cư dân hiếu khách, giàu truyền thống cách mạng đã tô vẽ nên vùng đất có thể và lực trong hiện tại và tương lai.

Thiên nhiên tươi đẹp ấy lại càng được tô thắm thêm bằng những di tích khảo cổ học, công trình văn hóa - nghệ thuật, trong đó, có 9 di tích quốc gia và 4 di tích cấp tỉnh đã và đang được phát huy, góp phần quan trọng vào việc xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Để tận mắt khám phá những tiềm năng du lịch của Bình Phước, bỏ lại sau lưng những mệt nhọc, vất vả, những lo toan của cuộc sống thường nhật, du khách sẽ đến với xứ sở của những cánh rừng bạt ngàn cao su và được thưởng thức các hương vị của núi rừng với cơm lam, rượu cần, đắm mình trong các điệu múa lâm thôn nhịp nhàng, uyển chuyển và những tiết tấu vui tươi huyền bí của tiếng cồng chiêng... trong các lễ hội cầu mưa, lễ hội mừng lúa mới của đồng bào dân tộc S'Tiêng, M nông...

Đến Bình Phước, tìm hiểu về những huyền thoại, văn hóa dân tộc bản địa, chắc hẳn du khách không thể không đến thăm các di tích lịch sử đã để lại nhiều ấn tượng sâu sắc, đã đi vào lòng người, đi vào thơ ca: Tiếng chày giã gạo trên sóc Bom Bo, nhà Giao Tế, sân bay quân sự Lộc Ninh, tổng kho nhiên liệu xăng dầu VK98, trường tiểu học An Lộc, địa điểm thành lập chi bộ Đông Dương Cộng sản Đảng ở Phú Riềng... là những di tích lịch sử còn trường tồn mãi với thời gian và đặc biệt là di tích Căn cứ Quân ủy, Bộ Tư lệnh Các lực lượng giải phóng miền Nam Việt Nam (hay gọi tắt là Quân ủy, Bộ Chỉ huy Miền), một thời được mệnh danh “Khu rừng Chính phủ”.

Đến với khu di tích Căn cứ Quân ủy, Bộ Chỉ huy Miền, du khách xuôi theo đường quốc lộ 13- từ

* Binh đoàn 16

thành phố Hồ Chí Minh đi lên khoảng 130km, đến ngã ba Đồng Tâm (Lộc Ninh) rẽ bên tay trái, theo con đường liên tỉnh lộ 17 khoảng 11km, sẽ đến với khu Căn cứ Quân ủy, Bộ Chỉ huy Miền (B2), một nơi yên ả, trầm lắng, thoáng đãng nhưng ẩn chứa trong nó nhiều giá trị lịch sử về một thời đấu tranh gian khổ, huy hoàng của dân tộc Việt Nam.

Khu Căn cứ Quân ủy, Bộ Chỉ huy Miền với tổng diện tích 1.200 ha, phía Bắc -Tây Bắc giáp Campuchia và Tây Ninh, phía Đông giáp với Lâm Đồng, cư dân sinh sống quanh khu vực Căn cứ Quân ủy, Bộ Chỉ huy Miền chủ yếu là đồng bào các dân tộc S'Tiêng, Khơ Me.

Quá trình thành lập, củng cố, phát triển, chỉ đạo, tổ chức của Căn cứ Quân ủy, Bộ Chỉ huy Miền (B2) được diễn ra sau phong trào Đồng Khởi (1960) của nhân dân miền Nam, đặc biệt là sau Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III (tháng 9 năm 1960), Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã quyết định thành lập Trung ương Cục Miền Nam tại Suối Nhung - Mã Đê - Chiến Khu Đ để lãnh đạo chiến trường B2. Đến tháng 11 năm 1963, Quân ủy, Bộ Chỉ huy Miền được thành lập thay thế cho Ban Quân sự Miền đặt dưới sự chỉ huy của Trung ương Cục miền Nam, Bộ Chính trị.

Căn cứ đề nghị của Trung ương Cục và Quân ủy Miền, ngày 12/7/1965, Bộ Chính trị gửi điện văn quyết định về tổ chức nhân sự của Quân ủy, Bộ Chỉ huy Miền và nhân sự này được thay đổi qua từng giai đoạn của cách mạng miền Nam. Ban đầu thành lập nhân sự của Quân ủy, Bộ Chỉ huy Miền gồm có:

Quân ủy Miền:

Bí thư: đồng chí Nguyễn Chí Thanh (Xuân, Sáu Di, Trường Sơn), đồng chí Nguyễn Văn Linh (Mười Cúc).

Phó Bí thư; Các Ủy viên gồm có các đồng chí: Phạm Văn Xô, Trần Văn Trà, Trần Độ, Chu Huy Mân, Nguyễn Đôn.

Bộ chỉ huy Miền:

Chính ủy kiêm tư lệnh Miền: đồng chí Phạm Hùng.

Tư lệnh; các đồng chí Phó Tư lệnh: Trần Văn Trà, Trần Độ, Phạm Văn Xô, Nguyễn Thị Định, Lê Trọng Tấn, Nguyễn Hữu Xuyên, Đồng Văn Cống, Nguyễn Văn Mùi (Nguyễn Minh Đường), Nguyễn Đôn, Chu Huy Mân.

Tham mưu trưởng Miền: đồng chí Lê Đức Anh.

Đến ngày 4/11/1967, Trung ương Cục miền Nam họp hội nghị toàn thể. Hội nghị đã củng cố

nhân sự, phân công trách nhiệm cho từng đồng chí giữ chức vụ:

Quân ủy Miền:

Bí thư: đồng chí Phạm Hùng.

Phó Bí thư: đồng chí Nguyễn Văn Linh, đồng chí Hoàng Văn Thái.

Ủy viên gồm các đồng chí: Phạm Văn Xô, Trần Văn Trà, Trần Độ, Lê Trọng Tấn, Lê Đức Anh, Lê Văn Tường.

Thường trực Quân ủy Miền: đồng chí Hoàng Văn Thái, đồng chí Phạm Văn Xô, đồng chí Trần Độ, đồng chí Lê Đức Anh, đồng chí Lê Văn Tường.

Bộ Chỉ huy Miền:

Chính ủy: đồng chí Phạm Hùng.

Phó Chính ủy: đồng chí Nguyễn Văn Linh, đồng chí Trần Độ.

Tư lệnh: đồng chí Hoàng Văn Thái.

Sau Hiệp định Paris được ký kết (27/01/1973), tình hình giữa ta và quân đội Mỹ, Ngụy có sự chuyển biến, thuận lợi cho ta trên cả chiến trường miền Nam. Để phù hợp với tình hình mới, Trung ương Cục và Bộ Chỉ huy Miền đã có cuộc thảo luận quan trọng quyết định Trương ương Cục trở lại Chàng Riệc (phía Bắc tỉnh Tây Ninh), Bộ Chỉ huy Miền di chuyển về sóc Tà Thiết (xã Lộc Thành - huyện Lộc Ninh, Bình Phước). Bộ Tư lệnh Miền lúc này gồm:

Bí thư Trung ương Cục: đồng chí Phạm Hùng

Bí thư Quân ủy Miền kiêm Chính ủy: đồng chí Trần Độ và đồng chí Lê Văn Tường

Phó bí thư Quân ủy Miền, phó Chính ủy: đồng chí Hoàng Văn Thái.

Tư lệnh; Phó Tư lệnh gồm các đồng chí: Trần Văn Trà, Lê Đức Anh, Đồng Văn Cống, Nguyễn Thị Định, Nguyễn Hữu Xuyên và đồng chí Hoàng Cầm;

Tham mưu trưởng: đồng chí Nguyễn Minh Châu.

Nhiệm vụ của Quân ủy, Bộ Chỉ huy Miền lúc này được chỉ rõ trong Nghị quyết của Đại hội Đại biểu toàn quốc của Đảng và Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị đó là, để ra chủ trương, chính sách, phương châm, kế hoạch tác chiến, đối với những nhiệm vụ chiến lược chung của toàn miền phải xin chỉ thị của Trung ương Cục miền Nam, Trung ương Đảng và Bộ Chính trị.

Việc chọn sóc Tà Thiết, xã Lộc Thành, huyện Lộc Ninh, Bình Phước là căn cứ của Bộ Chỉ huy Miền đã cho thấy sự nghiên cứu kỹ lưỡng của các cấp chỉ huy, bởi đây là nơi hội tụ đầy đủ các điều kiện "thiên thời-

địa lợi - nhân hòa”, không chỉ thuận lợi cho việc đứng chân mà còn đảm bảo yếu tố bí mật, bất ngờ, vừa có thể thủ, vừa có thể công khi đánh địch ngay trên địa bàn căn cứ.

Căn cứ Quân ủy, Bộ Chỉ huy Miền được chia làm hai khu vực: vòng trong và vòng ngoài. Vòng trong gồm Bộ Tư lệnh, một số nhà khách để đón các đồng chí lãnh đạo Trung ương Cục sang làm việc và các cơ quan chủ yếu của Bộ Tham mưu Miền (văn phòng, tác chiến, quân báo, tổ chức động viên), Cục Chính trị, cơ quan Chủ nhiệm hậu cần. Khu vực này tập trung dọc hai phía Tây và Đông suối Khơ Lây, ở xung quanh sóc Tà Thiết.

Vòng ngoài gồm có các đơn vị trực thuộc, như Cục Hậu cần, Cục Chính trị, Bộ Tham mưu, nằm rải rác từ xã Lộc Thành đến Bù Đốp, Bù Gia Mập, Phước Long...

Nhà ở trong Căn cứ Quân ủy, Bộ Chỉ huy Miền được xây cất tập trung thành từng khu vực, trong mỗi khu vực, các nhà cách nhau không quá xa (từ 50m đến 600m). Hầu hết các nhà làm nửa chìm, nửa nổi, phần lớn được bố trí gần bìa các trảng để thoáng. Riêng nhà của các Tư lệnh thì được xây dựng theo kiểu nhà sàn, nằm ra giữa trảng trống, trông giống như các nhà dân xung quanh. Để nguy trang và lấy bóng mát, các chiến sỹ đã trồng thêm quanh nhà nhiều cây ăn trái, như: bưởi, cam, quýt, xoài... Dưới chân nhà sàn, cạnh suối Khơ Lây trong vạt chảy qua, chiến sỹ các trung đội còn đào ao để nuôi cá.

Tùy theo mỗi loại nhà, các công binh Miền trực tiếp xây dựng hoặc hướng dẫn xây dựng các loại hầm, hào thích hợp đi kèm. Điển hình như cạnh nơi ở của Tư lệnh hoặc của các cán bộ cấp cao nhất của Bộ Chỉ huy Miền và Trung ương Cục, thường có hai hầm kế nhau, một hầm mái bằng để làm việc, hoặc có thể nghỉ ngơi và một hầm chữ A thấp hơn để trú ẩn. Tiếp theo đó là hệ thống giao thông hào nối ra ngoài. Các nhà dùng để hội họp như nhà giao ban và hội trường thì hầu như bốn phía đều có giao thông hào chạy ra các hầm chữ A, hình chữ Z. Dù xây dựng trong rừng hay ngoài trảng trống, nhà và hầm đều nép mình dưới bóng cây, đặc biệt là dưới các bụi cây đan cài chằng chịt, tránh được các phương tiện do thám tối tân của địch. Hệ thống đường mòn rộng chỉ vừa đủ, hai bên đường đào nhiều hố trú ẩn cá nhân và các hầm chữ L để che giấu cán bộ, bảo vệ thương binh nếu bất ngờ bị giặc tấn công¹.

Căn cứ Quân ủy, Bộ Chỉ huy Miền là nơi làm việc của các cơ quan đầu não lãnh đạo cách mạng miền Nam, Bộ Chỉ huy Miền đã hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ mà Trung ương Cục và Bộ Chính trị giao phó trên tất cả các mặt trận, trong từng giai đoạn của cuộc chiến, góp phần vào thắng lợi chung của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Với những giá trị trên, khu di tích Căn cứ Quân ủy, Bộ Chỉ huy Miền đã được Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa quốc gia ngày 16/11/1988.

Hạng mục đầu tiên trong Căn cứ Quân ủy, Bộ Chỉ huy Miền là nhà Thượng tướng Trần Văn Trà. Đây là nơi ở và làm việc của đồng chí Tư lệnh các Lực lượng vũ trang giải phóng miền Nam Việt Nam (viết tắt LLVTGPMNVN) từ tháng 02/1973 đến tháng 04/1975. Ngôi nhà xưa kia được xây dựng theo mô hình nhà sàn của người Khơ Me, mái nhà lợp bằng lá trung quân, trải qua thời gian, thời tiết khắc nghiệt ngôi nhà bị xuống cấp. Hiện nay, Bảo tàng Bình Phước, đơn vị trực tiếp quản lý khu di tích đã tiến hành phục chế theo nguyên trạng trên nền đất cũ. Tầng trên là nơi ở và làm việc của Thượng tướng Trần Văn Trà, với hệ thống bàn làm việc, chông tre, tủ kệ được sắp ngăn nắp, cùng với đó là hệ thống cột chống mái bằng bê tông theo lối giả gỗ tinh xảo, giống như nhà thời kỳ kháng chiến. Toàn bộ hệ thống mái không có các vì kèo, không lót đòn tay được liên kết với nhau theo lối thượng rường - hạ kẻ, đó là sự kết hợp của hai loại liên kết kèo lè, con rường một cách hết sức sáng tạo. Tầng dưới là hệ thống hầm trú ẩn và giao thông hào thoát hiểm cất vào trong căn cứ.

Đi dọc theo con đường mòn chừng 50m, từ nhà Thượng tướng Trần Văn Trà, xuyên qua những tán lá rừng đan xen chằng chịt, với không gian yên ả, du khách sẽ đến với hầm chữ A (hay còn được gọi là hầm Triều Tiên). Đây là một sáng kiến quân sự nổi tiếng của Quân đội nhân dân Triều Tiên, sử dụng trong kháng chiến chống Mỹ năm 1953, được Quân đội nhân Việt Nam cải tiến để phù hợp địa hình ở Việt Nam và đã được sử dụng phổ biến khắp các chiến trường Nam, Bắc. Đây cũng là một trong những điểm dừng chân đặc biệt hấp dẫn của du khách khi đến thăm các hạng mục của di tích Căn cứ Bộ Chỉ huy Miền. So với các căn cứ khác ở Việt Nam trong chiến tranh, hệ thống hầm chữ A ở đây được xây dựng theo lối kiến trúc đặc biệt, do địa hình, thời tiết phức tạp ở căn cứ Tà

Thiết. Các chiến sĩ, sĩ quan phòng Công binh Miền đã nghiên cứu, xây dựng hệ thống hầm chữ A với các loại hầm khác nhau: Hầm loại I được xây dựng kiên cố dưới mặt đất, đầy đủ các trang thiết bị, phương tiện hiện đại, dành cho các đồng chí lãnh đạo trong Bộ Chỉ huy - chiếc hầm đầu tiên được áp dụng cho Thượng tướng Trần Văn Trà tại chiến dịch Dầu Tiếng - Bàu Bàng tháng 11/1965. Hầm loại II được xây dựng dành cho các cấp bậc thượng tá, đại tá. Hầm loại III được xây dựng dành cho các đơn vị thông tin, hậu cần... và trở thành hầm trú ẩn để chống biệt kích xâm nhập và chống càn lớn trên khắp các chiến trường.

Cách làm hầm chữ A được mô tả như sau: Vị trí xây dựng hầm chữ A tùy thuộc vào vị trí chỉ huy, điều kiện ẩn nấp khác nhau, trước hết phải là những khu vực cao, khô ráo. Độ sâu của hầm thông thường (1,2 - 1,5)m; chiều dài (1,5 - 1,7)m; chiều rộng (1 - 1,3)m, có loại hầm chữ A làm 2 tầng, cao tới 5m, có thể tránh được đạn pháo xuyên.

Hầm chữ A trong Căn cứ Quân ủy, Bộ Chỉ huy Miền là một địa điểm đáng tin cậy để tránh bom đạn hiệu quả, không chỉ đối với bộ đội nơi chiến trường mà còn là nơi trú ẩn tốt nhất cho nhân dân trong điều kiện chiến tranh ác liệt. Nhờ đó, nhiều lãnh đạo, chiến sĩ, nhân dân được bảo vệ an toàn, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, góp phần không nhỏ vào những thắng lợi của chiến trường B2 nói riêng và trong cuộc kháng chiến chống Mỹ nói chung của dân tộc.

Đi dọc theo đường mòn trong Căn cứ Quân ủy, Bộ Chỉ huy Miền, qua từng viên đá được xếp cách đoạn, nối với nhau theo một hàng dài khoảng 600m, du khách sẽ tới hạng mục bếp Hoàng Cầm, là nơi nấu ăn của Bộ Chỉ huy Miền. Bếp này do anh nuôi Hoàng Cầm phát minh trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp (trong chiến dịch Hòa Bình năm 1951). Bếp được sử dụng rộng rãi trên khắp các chiến trường, trong cả chiến dịch Điện Biên Phủ, dân công hỏa tuyến, sau đó, được hoàn thiện và sử dụng trong các căn cứ địa cách mạng, như: Vĩnh Linh, Củ Chi, Tà Thiết... Bếp Hoàng Cầm có đặc tính: ban đêm không thấy được ánh sáng, ban ngày không thấy được làn khói, hệ thống ống khói được bắc ra ngoài bia rừng, trên miệng ống khói phủ một lớp lá cây rừng, trong quá trình đun nấu, khói theo đường ống dẫn lên trên và theo đám lá, cỏ cây bay là là dưới mặt đất, như một làn sương mỏng, vì vậy mà che mắt được tất cả các loại phi cơ do thám tối tân của Mỹ, Ngụy.

Bên cạnh hạng mục bếp Hoàng Cầm, đi sâu vào phía trong là hạng mục nhà Chính ủy Bộ Chỉ huy Miền. Đây là nơi ở và làm việc của đồng chí Phạm Hùng trong những năm cuối của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Ngôi nhà có mái lợp bằng lá trung quân, nép dưới những tán lá rừng cổ thụ, giữa nhà còn có một hầm mái bằng nối với hầm chữ A, cắt ra hệ thống giao thông hào thoát hiểm. Nói đến Chính ủy, chúng ta không thể không nhắc đến đồng chí Nguyễn Văn Linh - Chính ủy từ năm 1961 - 1964, đồng chí Nguyễn Chí Thanh - Chính ủy từ năm 1965 - 1967, cuối cùng là đồng chí Phạm Hùng - Chính ủy từ năm 1968 - 1975.

Tiếp tục đi xuôi theo con đường mòn, du khách dừng chân tại hầm Giao ban Bộ Chỉ huy Miền. Hầm có sức chứa khoảng 30 người, được đặt âm dưới lòng đất, gia cố bằng những cây rừng vững chắc, hai bên cửa hầm đều có nắp dậu. Nơi đây được xem như là một trung tâm chỉ đạo của Bộ Chỉ huy Miền dù tình hình chiến sự có ác liệt đến mấy, các đồng chí lãnh đạo của ta vẫn có thể ngồi tại đây để chỉ đạo các phương án tác chiến. Ngoài chức năng giao ban, hội họp, khi chiến tranh ác liệt, hầm còn được sử dụng làm nơi cứu thương cho cán bộ chiến sĩ của chúng ta. Cuốn sách *Căn cứ Quân ủy và Bộ Chỉ huy Miền trong chiến tranh chống Mỹ (1954 - 1975)*, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, do Trần Văn Trà, Đỗ Quang Hưng, Nguyễn Minh Triết biên soạn, đã ghi chép lại những gì được chứng kiến của một số nhà báo, quay phim về những ngày tháng khó khăn của quân và dân ta như sau:

“Trong những năm 1962 trở đi, nhiều phái đoàn, nhiều nhà báo của các nước xã hội chủ nghĩa đã xin được vào thăm Căn cứ Quân ủy, Bộ chỉ huy Miền, trong đó có những nhà báo lớn của thế giới như: Uyn-frết Bóc-sét và Ma đơlen Rip-phô. Hai nhà báo đã được dẫn đi tham quan nhiều nơi trong căn cứ, từ nhà cửa, hầm hào chiến đấu đến các phương tiện sinh hoạt giản dị, nhưng chứa đựng sự thông minh, vượt khó và ý chí chiến đấu. Có lần được dẫn vào tham quan bệnh viện dã chiến trong khu căn cứ, Mađolen Rip-phô đã vô cùng ngạc nhiên và thích thú trước một cảnh tượng chưa từng thấy: Trong một căn hầm giải phẫu, 4 chiến sĩ đang ngồi trên 4 chiếc xe đạp, đặt ở 4 góc hầm, để rọi ánh sáng vào bàn giải phẫu cho các y, bác sỹ thực hiện một ca mổ. Thứ ánh sáng này được các y, bác sỹ thường xuyên sử dụng vì không gây tiếng ồn và rất cơ động. Khi ra khỏi hầm, Ma đơlen nhận xét: “Các bạn

thật thông minh. Có lẽ chưa nơi nào biết tận dụng chiếc xe đạp như ở đây”.

Bên cạnh hầm Giao ban Bộ Chỉ huy Miền là nhà Văn bia, Cục Chính trị Quân giải phóng miền Nam Việt Nam, do Tổng cục Chính trị Bộ Quốc phòng xây tặng năm 2009, để tri ân với các chiến sỹ, anh hùng liệt sỹ đã hy sinh trên chiến trường miền Đông Nam Bộ.

Tiếp đó, du khách lại dừng chân tại hội trường Bộ Chỉ huy Miền. Đây từng là nơi đón tiếp các đoàn lãnh đạo cao cấp của Bộ Chính trị, Bộ Tổng Tham mưu Quân đội nhân dân Việt Nam, Trung ương Cục để bàn kế hoạch xây dựng lực lượng vũ trang và triển khai các Chỉ thị của Trung ương Đảng.

Ngày 03/04/1975, căn cứ Tà Thiết đã đón đoàn cán bộ cấp cao của Bộ Tổng Tham mưu Quân đội nhân dân Việt Nam do Đại tướng Văn Tiến Dũng dẫn đầu từ Buôn Mê Thuột đến để xây dựng kế hoạch giải phóng Sài Gòn - Gia Định. Ngày 07/04/1975, tại đây, đồng chí Chính ủy Phạm Hùng đã chủ trì cuộc họp quan trọng giữa các đoàn Bộ Tổng Tham mưu QĐNDVN, Trung ương Cục, Quân ủy Miền, đánh giá tình hình, quán triệt Chỉ thị của Bộ Chính trị về quyết tâm giải phóng Sài Gòn với phương châm: “thần tốc, thần tốc, toàn thắng, nhất định toàn thắng”.

Ngày 08/04/1975, đồng chí Lê Đức Thọ - Ủy viên Bộ Chính trị phổ biến Nghị quyết của Trung ương Đảng về việc thành lập Bộ Chỉ huy chiến dịch giải phóng Sài Gòn - Gia Định gồm có các đồng chí: Tư lệnh - Văn Tiến Dũng; Chính ủy - Phạm Hùng; Phó Tư lệnh gồm các đồng chí: Trần Văn Trà, Lê Đức Anh, Lê Trọng Tấn, Đinh Đức Thiệu. Để có một tên gọi xứng tầm với chiến dịch lớn nhất, có ý nghĩa nhất, kết thúc 21 năm kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Bộ Chỉ huy Miền đề nghị Trung ương đổi tên chiến dịch giải phóng Sài Gòn - Gia Định là Chiến dịch Hồ Chí Minh.

19h, ngày 14/04/1975, Bộ Chỉ huy chiến dịch đã nhận được bức điện số 37/TK do đồng chí Tổng Bí thư Lê Duẩn ký “Đồng ý chiến dịch giải phóng Sài Gòn - Gia Định lấy tên là chiến dịch Hồ Chí Minh”.

Chiến dịch Hồ Chí Minh nói riêng và Đại thắng mùa Xuân năm 1975 nói chung đã cho thấy sự lãnh đạo sáng suốt, đúng đắn của Đảng, trong đó thể hiện vai trò của Trung ương Cục và Bộ Chỉ huy Miền.

Điểm dừng chân trong hạng mục di tích Căn cứ Quân ủy, Bộ Chỉ huy Miền mà du khách không

thể bỏ qua là hạng mục Nhà làm việc của đồng chí Lê Đức Anh - Phó Tư lệnh kiêm Tham mưu trưởng từ tháng 2/1973 đến tháng 4/1975 và nhà đồng chí Nguyễn Thị Định, người phụ nữ đầu tiên được phong quân hàm cấp tướng, được Đảng, Nhà nước tặng nhiều huân, huy chương cao quý, xứng đáng với danh hiệu người phụ nữ Việt Nam mà Bác Hồ đã trao tặng “Anh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm đang”.

Theo thống kê, khu di tích Căn cứ Quân ủy, Bộ Chỉ huy Miền mỗi năm đón hàng nghìn du khách trong và ngoài nước đến tham quan, tìm hiểu. Giờ đây, khu di tích trở thành một địa chỉ tin cậy cho du khách trong mỗi chuyến “về nguồn”. Khi đến thăm mảnh đất Bình Phước - vùng đất miền Đông gian lao mà anh dũng, không những được chiêm ngưỡng những di tích lịch sử độc đáo, như: Nhà Giao tế (trụ sở của Chính phủ Cách mạng lâm thời miền Nam Việt Nam), sân bay quân sự Lộc Ninh, bồn xăng Lộc Quang... mà còn được thưởng ngoạn và cảm nhận thiên nhiên hùng vĩ nơi đây, thưởng thức những món ăn hương vị núi rừng của đồng bào S’Tiêng, Mnông, Khơ Me... Và, hơn thế nữa, được chứng kiến không gian thiêng liêng của lễ hội truyền thống: Lễ hội Cầu mưa, lễ hội Cầu mùa, lễ hội Mừng lúa mới, lễ hội Phá Bàu, lễ hội Chol Chnăm Thmây... với các hoạt động văn hóa, thể thao và các trò chơi dân gian độc đáo, phong phú... Tất cả những điều đó sẽ đọng lại trong lòng du khách những ấn tượng khó phai./.

V.D.T

Chú thích và tham khảo:

- 1- Trần Văn Trà, Đỗ Quang Hưng, Nguyễn Minh Triết, *Căn cứ Quân ủy Bộ Chỉ huy Miền trong chiến tranh chống Mỹ (1954 - 1975)*, Nxb. Quân đội nhân dân, 1996.
- 2- *Lịch sử biên niên Xứ ủy Nam Bộ và Trung ương Cục miền Nam (1954 - 1975)*, Nxb. Chính trị quốc gia Hà Nội, 2008.
- 3- *Lịch sử Nam Bộ kháng chiến (1954 - 1975)*, tập 2, Nxb. Chính trị quốc gia Hà Nội, 2012.
- 4- Trương Thị Yến, *Bài thuyết minh di tích Căn cứ Bộ Chỉ huy Miền*, bản đánh máy.
- 5- Tổng Văn Trường, *Bài thuyết minh di tích Căn cứ Bộ Chỉ huy Miền*, bản đánh máy.
- 6- *Tài liệu thuyết minh căn cứ Trung ương Cục miền Nam*, Phòng Quản lý và khai thác di tích Trung ương Cục miền Nam, bản đánh máy, 2012.
- 7- *Trung ương Cục miền Nam - Chiến khu Đ (1961 - 1962)*, Nxb. Tổng hợp Đồng Nai, 2002.

(Ngày nhận bài: 09/3/2015; Ngày phản biện đánh giá: 12/4/2015; Ngày duyệt đăng bài: 19/4/2015).